

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 14-6-2023
V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản
chung và đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Vâng, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2022/TLPT-HNGĐ ngày 01/8/2022, về việc “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung và đòi tài sản”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 45/2022/HNGĐ-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1118/2023/QĐPT-DS ngày 18 tháng 5 năm 2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồ Văn B, sinh năm 1965; Địa chỉ: G, tổ I, ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1968; Địa chỉ: G, tổ I, ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn L, sinh năm 1931; Địa chỉ: ấp L, xã L huyện B, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1937; Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3. Bà Hồ Thị Yến O, sinh năm 1984; Địa chỉ: thành phố D - Đà Loan (có mặt).

- Người kháng cáo:

1. Bà Trần Thị M là bị đơn.

2. Bà Hồ Thị Yến O là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Hồ Văn B trình bày:

Ông và bà M chung sống với nhau từ năm 1984, có đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Ông bà sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bà M thường dùng những lời lẽ xúc phạm ông nên vợ chồng thường xuyên gây gổ. Đến năm 2018, ông và bà M ly thân cho đến nay. Ông yêu cầu được ly hôn với bà M.

Về con chung: Có 02 con chung là Hồ Thị Yến O sinh năm 1984, Hồ Xuân T1, sinh năm 1992. Đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tài sản riêng:

Ông cho rằng tài sản riêng của ông gồm có diện tích 281m² (tương đương chiều ngang khoảng 06 m) đất tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, đất là tài sản riêng của ông. Nguồn gốc đất có được do thời gian ông đi bộ đội sắp về cha mẹ ruột của ông là ông S, bà Y cho ông một đôi bò đực, ông bán bò mua 06 chỉ vàng 24K; khoảng 2-3 tháng sau thì ông lấy vàng này mua phần đất diện tích 281m² (06 mét ngang) sau đó xây căn nhà trên đất; năm 2014 đập căn nhà cũ và năm 2015 xây căn nhà hiện tại. Ông yêu cầu Tòa án chia cho ông diện tích 281m² (06 mét) đất này, không tranh chấp nhà trên đất và tài sản trong nhà, tài sản trên đất vì nguồn tiền là của con gái ông và bà M (bà O) gửi tiền về cho. Bên cạnh đó, ông còn yêu cầu bà M trả lại cho ông số tiền 115.000.000 đồng là tiền trong thời kỳ hôn nhân ông có giao cho bà M giữ giữ.

Đối với Phần đất diện tích 24.410 m² (đo thực tế 26.941,2 m²) tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, trong đó có 16.941,2 m² là tài sản riêng của ông, nguồn gốc do cha ông cho ông; chỉ có chị em ruột của ông là bà Í, bà C, bà T2 biết việc tặng cho. Ông yêu cầu Tòa án chia cho ông phần đất 14.000 m²; đối với 10.000 m² của chị O ông đồng ý giao lại giá trị đất bằng tiền cho chị O theo giá mà công ty TNHH M3 đã thẩm định là 107.770 đồng/m² x 10.000 m² = 1.077.700.000 đồng.

Đối với yêu cầu của cụ L và cụ T yêu cầu ông và bà M làm thủ tục chuyển quyền sử dụng 03 phần đất gồm: Phần đất thổ cư diện tích 241,3 m², tờ bản đồ số 35, thửa số 60 đất tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; phần đất cây lâu năm diện tích 3.364,7 m² tờ bản đồ số 23 thửa 115 đất tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; phần đất cây lâu năm diện tích 3.786 m², tờ bản đồ số 23, thửa 116, đất tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Ông đồng ý chuyển quyền sử dụng 03 phần đất trên cho cụ T và cụ L theo quy định của pháp luật.

Đối với những tài sản khác trong thời kỳ hôn nhân do chị O cho tiền ông và bà M mua thì ông B rút lại yêu cầu khởi kiện đối với phần đất sau:

Phần đất thổ cư có diện tích 485,8m² thửa 326, tờ bản đồ số 32, đất tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CH02353 ngày 06/9/2014, do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Trần Thị M và ông Hồ Văn B;

Phần đất có diện tích 1.927,7 m² thuộc thửa 519 tờ bản đồ số 3 đất tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CH00044 ngày 02/03/2010 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Trần Thị M và ông Hồ Văn B;

Phần đất có diện tích 902,8 m² thuộc thửa 9,10, 35, tờ bản đồ số 39, đất tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 218755; số vào sổ cấp GCN: CH00043 cấp ngày 02/3/2020 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Trần Thị M và ông Hồ Văn B.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị M, bị đơn trình bày:

Bà chung sống với ông B từ năm 1984, có đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã L, B. Bà và ông B sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông B thường xuyên lấy tiền, vàng của vợ chồng để tiêu xài cá nhân. Đến cuối năm 2019, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Bà đồng ý thuận tình ly hôn với ông B.

Về con chung: Có 02 con chung là Hồ Thị Yến O sinh năm 1984, Hồ Xuân T1, sinh năm 1992; cả 02 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung:

- Có diện tích 281m² (chiều ngang 06 mét) đất tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh nguồn gốc là do bà tích góp, chơi hụi rồi mua được phần đất với giá 1,5 chỉ vàng, sau đó bán đất được 02 chỉ vàng, sau đó hốt hụi mua được 04 chỉ vàng. Tổng cộng mua phần đất là 06 chỉ vàng. Cha mẹ chồng bà có cho 02 con bò đực, cho trước khi mua 06 mét đất này, bán bò mua được 06 chỉ vàng nhưng đã tiêu xài hết.

- Phần đất 24.410 m² tại ấp L, xã L, huyện B nguồn gốc cha chồng bà cho chung 02 vợ chồng yêu cầu chia đôi (cụ thể là 14.000 m²/2)

Về nợ chung: Không có.

Đối với số tiền 115.000.000 đồng ông B yêu cầu bà không đồng ý.

Đối với các phần đất ông B không yêu cầu thì bà cũng không có ý kiến.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - ông Trần Văn L và bà Lê Thị T trình bày:

Ông bà là cha mẹ ruột của bà Trần Thị M, ông Hồ Văn B là con rể; ông bà có 03 phần đất:

- Phần đất diện tích 241,3 m², thửa số 60, tờ bản đồ số 35 đất tại ấp L; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 193510 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H02893/QSđĐ/1868/2009/HĐ-TC ngày 08/11/2009 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh cấp cho bà Trần Thị M và ông Hồ Văn B;

- Phần đất cây lâu năm diện tích 3.786,7 m² thửa 116, tờ bản đồ số 23 đất tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 453385; số vào sổ cấp GCN CS03986 cấp ngày 11/12/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho bà Trần Thị M và ông Hồ Văn B;

- Phần đất cây lâu năm diện tích 3.364,7 m², thửa 115, tờ bản đồ số 23, đất tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN số CS 03999, cấp ngày 13/12/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho bà Trần Thị M và ông Hồ Văn B đứng tên quyền sử dụng đất.

Nguồn gốc 03 phần đất này do hai cụ nhận chuyển nhượng của ông Hai T3; sau đó do cần tiền để làm ăn và trang trải gia đình nên hai ông bà nhờ bà M và ông B đứng tên dùm giấy chứng nhận quyền sử dụng của 03 phần đất trên bằng cách lập hợp đồng tặng cho. Từ khi tặng cho thì người trực tiếp sử dụng đất là vợ chồng hai ông bà, vợ chồng bà M chưa lần nào sử dụng đất. Nay hai ông bà có yêu cầu độc lập buộc ông B và bà M trả lại quyền sử dụng của 03 phần đất nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 24/6/2021 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Hồ Thị Yến O trình bày:

Bà là con ruột của ông B và bà M. Bà thống nhất với ông B và bà M về thời gian chung sống, về con chung.

Đối với phần đất 24.410 m² tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh trong đó có 10.000 m² nguồn tiền là do bà gửi 80.000.000 đồng về Việt Nam để mua lại phần đất của ông bà nội bà là cụ S và cụ Y; sau khi mua bà nhờ ông B và bà M đứng tên dùm, không làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà diện tích 10.000 m² đất này. Nay cha mẹ bà tranh chấp ly hôn, bà yêu cầu ông B trả lại cho bà phần đất diện tích 10.000 m² đất cho mẹ bà là bà M đứng tên quyền sử dụng đất.

Theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất số 80/TĐMN-2020 và sơ đồ hiện trạng sử dụng đất số 82/TĐMN- 2020 của Công ty TNHH T7; Chứng thư thẩm định giá số 03220111/2022/CT-MHD ngày 18/3/2022 của Công ty TNHH M3:

- Phần đất có diện tích đất (đo đạc thực tế là 26.941,2 m²) tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh trị giá 2.903.453.124 đồng.

- Phần đất có diện tích đất (đo đạc thực tế là 281,7 m²) tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh trị giá 4.444.702.038 đồng.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 45/2022/HNGĐ-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 1 Điều 38, điểm c khoản 5 Điều 447 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 33, 34, 51, 55, 59 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 32 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và các Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a, b khoản 5 điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn B về việc “Xin ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” đối với bà Trần Thị M.

2. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Hồ Văn B và bà Trần Thị M.

3. Về con chung: Có 2 con chung là Hồ Thị Yến O sinh năm 1984, Hồ Xuân T1, sinh năm 1992. Đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về tài sản chung:

- Ông Hồ Văn B được quyền sử dụng phần đất có diện tích 26.941,2 m² đất tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 2118754 (số vào sổ cấp giấy CH00048) do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Hồ Văn B đứng tên diện tích 24.410 m² thửa 55, 126, 127, 128, 129, 130, 131, 132, 133, 134, 135, 136, 137, tờ bản đồ số 24 đất tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh đúng vị trí diện tích, có tứ cận: Hướng Đông giáp đất bà Nguyễn Thị Mỹ d 266,02m; hướng Tây giáp S dài 266,08m+ Võ Văn Thanh T4 dài 107,59m; hướng Nam giáp Võ Văn Thanh T4 dài 15,66m+Trần Văn M1 dài 93,81m+ Nguyễn Văn T5 dài 43,32m; hướng Bắc giáp thửa 53dài 5,41m.

6. Buộc bà Trần Thị M có nghĩa vụ giao cho ông Hồ Văn B số tiền chia tài sản là 2.666.821.222 đồng.

7. Bà Trần Thị M được quyền sử dụng diện tích 281m² đất tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 963553 cấp ngày 07/11/2014 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh, cấp cho bà Trần Thị M và ông Hồ Văn B đứng tên quyền sử dụng đất. Có tứ cận:

Đông giáp tỉnh lộ 788 dài 6,07m;

Tây giáp thửa 314 đất Phan Văn H dài 6,15m;

Nam giáp đất ông Hồ Văn B và bà Trần Thị M dài 46,19m;

Bắc giáp đất ông Giáp Văn N dài 45,67m.

8. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn B buộc bà Trần Thị M trả 115.000.000 (một trăm mười lăm triệu đồng).

9. Buộc ông Hồ Văn B có nghĩa vụ trả cho chị Hồ Thị Yến O số tiền 1.077.700.000 (một tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm nghìn) đồng là trị giá 10.000 m² đất.

10. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn B đối với các phần đất:

- Phần đất thổ cư có diện tích 485,8m² thửa 326, tờ bản đồ số 32, đất tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CH02353 ngày 06/9/2014, do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Trần Thị M và ông Hồ Văn B;

- Phần đất có diện tích 1.927,7m² thuộc thửa 519 tờ bản đồ số 3 đất tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CH00044 ngày 02/03/2010 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Trần Thị M và ông Hồ Văn B;

- Phần đất có diện tích 902,8 m² thuộc thửa 9,10, 35, tờ bản đồ số 39, đất tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 218755; số vào sổ cấp GCN: CH00043 cấp ngày 02/3/2020 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Trần Thị M và ông Hồ Văn B.

11. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của cụ Trần Văn L, cụ Lê Thị T đối với ông Hồ Văn B và Bà Trần Thị M về việc “Đòi tài sản là quyền sử dụng đất”.

Cụ Trần Văn L, cụ Lê Thị T được quyền tiếp tục sử dụng 03 phần đất gồm:

- Phần đất diện tích 241,3 m², thửa số 60, tờ bản đồ số 35 đất tại ấp L, xã L, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 193510 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H02893/QSđĐ/1868/2009/HĐ-TC ngày 08/11/2009 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh cấp cho bà Trần Thị M và ông Hồ Văn B;

- Phần đất cây lâu năm diện tích 3.786,7 m² thửa 116, tờ bản đồ số 23 đất tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 453385; số vào sổ cấp GCN CS03986 cấp ngày 11/12/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho bà Trần Thị M và ông Hồ Văn B;

- Phần đất cây lâu năm diện tích 3.364,7 m², thửa 115, tờ bản đồ số 23, đất tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CL 453462 số vào sổ cấp GCN CS 03999, cấp ngày 13/12/2017, do Sở T, cấp cho bà Trần Thị M và ông Hồ Văn B đứng tên quyền sử dụng đất.

12. Buộc ông Hồ Văn B và bà Trần Thị M có nghĩa vụ làm thủ tục chuyển quyền sử dụng 03 phần đất gồm:

- Phần đất diện tích 241,3 m², thửa số 60, tờ bản đồ số 35 đất tại ấp L, xã L, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 193510 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H02893/QSđĐ/1868/2009/HĐ-TC ngày 08/11/2009 do

Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh cấp cho bà Trần Thị M và ông Hồ Văn B;

- Phần đất cây lâu năm diện tích 3.786,7 m² thửa 116, tờ bản đồ số 23 đất tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 453385; số vào sổ cấp GCN CS03986 cấp ngày 11/12/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho bà Trần Thị M và ông Hồ Văn B;

- Phần đất cây lâu năm diện tích 3.364,7 m², thửa 115, tờ bản đồ số 23, đất tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CL 453462 số vào sổ cấp GCN CS 03999, cấp ngày 13/12/2017, do Sở T, cấp cho bà Trần Thị M và ông Hồ Văn B đứng tên quyền sử dụng đất.

13. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh điều chỉnh giấy quyền sử dụng đất chia cho ông B và bà M phù hợp với phần quyết định của bản án này.

14. Các đương sự được quyền đến cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, các quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/6/2022, bà Trần Thị M kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Cụ thể:

- Yêu cầu định giá lại phần đất thổ cư có diện tích 281,7m², thuộc thửa 251, tờ bản đồ số 32; chia phần đất này theo tỷ lệ 50/50 và bà đồng ý giao toàn bộ nhà đất này cho ông B sử dụng, ông B thanh toán giá trị đất cho bà.

- Đối với 24.410m² đất thuộc 13 thửa 55, 126, 127, 128, 129, 130, 131, 132, 133, 134, 135, 136, và 137; trong số này trả cho chị O 10.000m², còn lại 14.410m² bà yêu cầu chia làm đôi.

Tại đơn bổ sung đề ngày 14/7/2022, bà M yêu cầu:

- Định giá lại 14.410m² đất nông nghiệp;

- Trong tổng diện tích đất nông nghiệp mà Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết có 2.531,2m² đất có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn T6 nhưng do bà và ông B khai phá. Bà M cùng yêu cầu định giá lại diện tích đất này.

Ngày 01/7/2022, bà Hồ Thị Yến O là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Cụ thể:

Yêu cầu buộc ông Hồ Văn B trả lại cho bà 04 phần đất gồm: Phần đất thổ cư diện tích 485,8 m² thuộc thửa đất số 326, tờ bản đồ số 32; phần đất diện tích 902,8 m² thuộc thửa 09, 10, 36, tờ bản đồ số 39; phần đất diện tích 1.927,2 m² thuộc thửa 519, 578, tờ bản đồ số 3; diện tích 10.000 m² đất ruộng, tất cả tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hồ Văn B là nguyên đơn không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện. Bà Trần Thị M không thay đổi, bổ sung và giữ

nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Bà Hồ Thị Yến O không thay đổi, bổ sung và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày như sau:

1. Bà Trần Thị M: Xác định bà tên là Trần Thị M, sinh năm 1968. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn năm 1985 ghi Trần Thị M2, sinh năm 1966 là không đúng. Bà yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm chia đôi tất cả tài sản chung của vợ chồng gồm đất thổ cư và đất nông nghiệp, sau khi trừ đi 10.000m² đất đã bán cho con gái là bà Hồ Thị Yến O.

2. Bà Hồ Thị Yến O: Yêu cầu trả lại cho bà 10.000m² đất mà bà đã mua hoặc giữa bà và ông B sẽ thỏa thuận việc mua bán diện tích đất này.

3. Ông Hồ Văn B: Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

1. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị M và bà Hồ Thị Yến O làm trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

2. Về việc chấp hành pháp luật: Xét thấy, Thẩm phán chủ tọa phiên toà, các thành viên Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn xét xử phúc thẩm.

3. Về yêu cầu kháng cáo của bà M: Đối với phần đất 24.410 m² (đo đạc thực tế là 26.941,2 m²) tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Trong diện tích 26.941,2 m² có diện tích đất 14.410m² ông B cho rằng ông được cho riêng và yêu cầu được chia phần đất 26.941,2 m². Thấy rằng: Tại hợp đồng sang nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/10/2002 ông B và bà M, ông S bà Y, bà T2, bà Í1, bà C đều ký tên trong hợp đồng nội dung thể hiện: phần đất 11.050 m² (đo đạc thực tế là 26.941,2 m²) tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh có nguồn gốc của cụ Hồ Văn S1 tặng cho riêng ông B trong thời kì hôn nhân đến ngày 25/02/2010 ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL 05). Do đó, phần đất này là tài sản riêng của ông B, ông B không đồng ý sát nhập tài sản chung với bà M nên đây là tài sản riêng của ông B được quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

4. Về yêu cầu kháng cáo của bà O:

Trong diện tích 26.941,2 m² cụ S1 và cụ Y chuyển nhượng cho ông B, bà M 10.000 m². Ông B và bà M thừa nhận phần đất này là của chị O gửi 80.000.000 đồng về mua; do ông B là người đang trực tiếp sử dụng phần đất 10.000 m² đất để trồng lúa; chị O đang sống tại nước ngoài nên có căn cứ giao đất cho ông B, ông B có nghĩa vụ trả lại cho chị Hồ Thị Yến O số tiền 1.077.700.000 đồng .

Bởi các lẽ trên, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà M, bà O, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 45/2022/HNGĐ-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị M và bà Hồ Thị Yến O làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Do đó, các đơn kháng cáo này đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà M, chia tài sản chung của vợ chồng; các cụ Trần Văn L, Lê Thị T yêu cầu ông B và bà M trả lại diện tích đất mà các cụ đã nhờ ông B, bà M đứng tên; trong vụ án có bà Hồ Thị Yến O là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang cư trú tại Đài Loan. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh thụ lý, xét xử vụ án là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền, phù hợp với các quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do UBND xã L, huyện B cấp ngày 30/8/1985 ghi tên người vợ là *Trần Thị M2, sinh năm 1966*; tại Bản sao giấy khai sinh số 1441, Quyền số 01, ngày 04/9/1990 do UBND xã L, huyện B cấp cho bà Hồ Thị Y1 Oanh ghi tên người mẹ là *Trần Thị M2, sinh năm 1966*; tại Bản sao giấy khai sinh số 08, Quyền số 01, ngày 07/3/2002 do UBND xã L, huyện B cấp cho ông Hồ Xuân T1 ghi tên người mẹ là *Trần Thị M*; tại Sổ hộ khẩu gia đình số 375 ở trang chủ hộ và tại giấy chứng minh nhân dân số 290402337 do Công an tỉnh T cấp ngày 29/9/2009 ghi tên *Trần Thị M, sinh năm 1968*. Tòa án cấp sơ thẩm công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Hồ Văn B và bà Trần Thị M và giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng, nhưng chưa điều tra làm rõ bà *Trần Thị M2, sinh năm 1966* và bà *Trần Thị M, sinh năm 1968* trong các tài liệu đã nêu ở trên có phải là một người hay không, là chưa xác định chính xác, đầy đủ họ tên, năm sinh của bị đơn, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó, cần thiết phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về quan hệ tài sản và yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị M, bà Hồ Thị Yến O: Do hủy bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu này.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị M và bà Hồ Thị Yến O không phải nộp.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị M và Hồ Thị Yến O.

Huỷ Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 45/2022/HNGĐ-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả cho bà Trần Thị M và bà Hồ Thị Yến O mỗi người 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 233 ngày 01/6/2022 và 285 ngày 07/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu.

Võ Văn Khoa